SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Medium

X0500 S2

X0500S2

Giày bảo h ộ **lao** độ n g **dành cho ngành công** n ghiệ p thự c phẩm

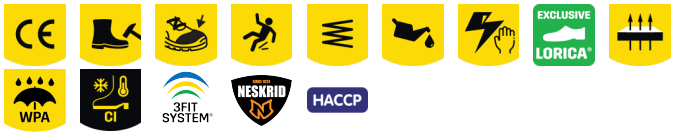
Giày bảo h ộ HACCP ch ố n g thấm nư ớc , không dây buộ c , có mũi thép mút h oạt tính êm ái, đế ngoài bằn g PU/PU và mũi giày b ề n chắc , ch ố n g mài mòn.

CO_2 9.66 kg



WHT

Những vật liệu cao cấp hơn	Da Nappa Action, Lorica
lót bên trong	Cambrella
trong Đ ệm chân S.I.Memory Foam	
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S2 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng ệ thép	0.525 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





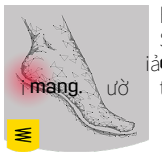
Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ gót chân é lăn hoặc rơ ước



(SR) Chống t
dây SRA&SRB&SRC. SR có nghĩa là phép thử
thực hiện trên xà phòng và dầ



& nhiên dầu
é ngoài có khả năng và nhiên



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân
i mang. ười



HACCP
HACCP là một hệ thống thử nghiệm dựa trên phân tích các
tiêu dùng HACCP, được phát t cho ngành công nghiệp thực phẩm, được làm bằng vật liệu có



mũi **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng bao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở giày

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạc h , Làm sc upẩm m &D thuộ c v ề y h ọ c , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi t**

r ườ n g môi khô, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách xa nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lường q
Nhữ n g vật l iệu cao cấp h ơn	**Da Nappa Action, Lorica**				
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8	1.8		mg/cm/giờ
	Top: hi nuệ sốc h ơ	? 15	16		mg/cm2
ót bên trong	**Cambrella**				
	L ớp lót: thấm hút mồ hôi	? 2	25.39		mg/cm/giờ
	lót: hi nuệ sốc h ơ	? 20	204		mg/cm2
rong	Đ ệ m chân **SJ Memory Foam**				
	ệ m chân Độ c h ố n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**				
	Ch ố n g trơn trượt (mài mòn đế ngoài)	? 150	137		mm
	Chư ố ợt trơn trượt bằng - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót về phía t	? 0.31	0.4		ma sát
	rư Độ ợt trơn trượt bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi về phía t	? 0.36	0.41		ma sát
	rư Độ ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót về phía t	? 0.19	0.29		ma sát
	Chư ố ợt trơn SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi về phía t	? 0.22	0.30		ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	9.9		megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g chân củ	? 20	35		J
Đ ứ n g đầ	**Thép**				
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	14.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	19		mm

kích thước thép: 42

a chú Giày tôi không có l ớ thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo lường q
i CO phát thả				
	V ật l iệu		7.39	kg
	Bao bì		0.12	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			9.66 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		6%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.